

## GẶP KHÓ TẠI NGƯỠNG CẢN QUANH 1.250 ĐIỂM

## CHIẾN LƯỢC HÀNH ĐỘNG

## ĐIỂM NHẤN ĐẦU TƯ

## MUA

Các hoạt động mua trading T+, nhà đầu tư nên hạn chế mua ở các mức giá cao trong phiên mà nên chờ các nhịp điều chỉnh rung lắc của thị trường để mở vị thế.

## BÁN

Đối với các nhà đầu tư cần thực hiện cơ cấu danh mục hoặc bán chốt lời các vị thế mua bắt đáy có thể sử dụng các lệnh trailing stop hoặc bán từng phần trong các nhịp phục hồi với vùng cản quan trọng 1.245-1.254 điểm.

TCB

NĂM GIỮ

↑ 5,03%

VND28.200

## NHẬN ĐỊNH XU HƯỚNG VN-INDEX TRONG NGÀY

- **Diễn biến TTCK thế giới:** Phố Wall tiếp tục giảm vào thứ Ba sau những nhận định không chắc chắn về các thỏa thuận về thuế.
- **Xu hướng VN-Index ngắn hạn:** Dù chưa nhận được lực đỡ từ các bluechip, song việc dòng tiền dịch chuyển tích cực sang các nhóm ngành khác đang giữ nhịp hồi phục cho chỉ số VN-Index. Về kỹ thuật, VN-Index nhiều khả năng sẽ tiếp tục thử thách vùng kháng cự 1.245-1.254 trong các phiên tới. Tuy nhiên, đây vẫn là vùng kháng cự mạnh khó vượt qua ngay ở thời điểm hiện tại. Do đó, áp lực rung lắc, chốt lời ngắn hạn có thể xảy ra khi chỉ số tiếp cận vùng kháng cự này. NĐT nên xem xét thực hiện bán chốt lời từng phần các vị thế ngắn hạn đặc biệt khi VN-Index tiếp cận vùng kháng cự quanh 1.250-1.254 điểm.

## Thị trường thế giới

| Chỉ số    | Điểm số   | %Chg  | YTD   |
|-----------|-----------|-------|-------|
| Dow Jones | 40.829,00 | -0,95 | -4,03 |
| S&P 500   | 5.606,91  | -0,77 | -4,67 |
| Nasdaq    | 17.689,66 | -0,87 | -8,39 |
| VIX       | 24,76     | 4,74  | 42,71 |
| DAX       | 23.249,65 | -0,41 | 16,78 |
| FTSE 100  | 8.597,42  | 0,01  | 5,19  |
| CAC40     | 7.696,92  | -0,40 | 4,28  |
| Hang Seng | 23.169,83 | 2,24  | 15,50 |

Nguồn: Bloomberg

## ĐỒ THỊ KỸ THUẬT VN-INDEX



## Chỉ báo kỹ thuật

|                   | Ngày     | Tuần      | Tháng |
|-------------------|----------|-----------|-------|
| Xu hướng VN-Index | BUY      | NEUTRAL   | SELL  |
|                   |          |           |       |
| Chỉ báo kỹ thuật  | Giá trị  | Hành động |       |
| RSI (14)          | 50,89    | BUY       |       |
| MACD (12,26)      | -10,63   | SELL      |       |
| ADX (14)          | 30,54    | BUY       |       |
| SMA5              | 1.232,87 | BUY       |       |
| SMA20             | 1.208,86 | BUY       |       |
| SMA50             | 1.274,40 | SELL      |       |
| SMA100            | 1.267,49 | SELL      |       |
| SMA200            | 1.262,39 | SELL      |       |

ĐIỂM TIN CHÍNH

- **Thị trường Mỹ** tiếp tục giảm điểm vào ngày thứ Ba (06/05), sau những nhận định không chắc chắn của Tổng thống Mỹ về các thoả thuận thương mại toàn cầu, làm tiêu tan hy vọng rằng sẽ sớm đạt được tiến triển về thuế quan. Nhà đầu tư cũng chờ đợi quyết định chính sách của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed).
- **Theo Cục Thống kê**, Bộ Tài chính, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng theo giá hiện hành tháng 4 ước đạt 582,1 nghìn tỷ đồng, tăng 2,9% so với tháng trước và tăng 11,1% so với cùng kỳ năm trước. Trong 4 tháng đầu năm, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng theo giá hiện hành ước đạt 2.285,5 nghìn tỷ đồng, tăng 9,9% so với cùng kỳ năm trước do nhu cầu tiêu dùng, du lịch của người dân tăng trong các kỳ nghỉ lễ.
- **Tính đến ngày 30/4**, tổng vốn đầu tư nước ngoài (FDI) đăng ký vào Việt Nam đạt 13,82 tỷ USD, tăng 39,9% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, vốn thực hiện đạt 6,74 tỷ USD - cao nhất của bốn tháng trong 5 năm qua.
- **Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)** tháng 4/2025 tăng 0,07% so với tháng trước chủ yếu do giá nhà ở thuê, giá thực phẩm và ăn uống ngoài gia đình tăng. CPI tháng Tư tăng 1,37% so với tháng 12/2024; tăng 3,12% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân bốn tháng đầu năm 2025, CPI tăng 3,2% so với cùng kỳ năm trước; lạm phát cơ bản tăng 3,05%.
- **HBC:** Trong quý I/2025, Xây dựng Hoà Bình ghi nhận doanh thu đạt 691,96 tỷ đồng, giảm 58,1% so với cùng kỳ; lợi nhuận sau thuế đạt 5,39 tỷ đồng, giảm 90,5%. Trong đó, biên lợi nhuận gộp cải thiện từ 1,3%, lên 7,6%.
- **TPB:** TPBank sẽ trả cổ tức bằng tiền mặt với tỷ lệ 10%, tương ứng cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu sẽ được nhận 1.000 đồng. Ngày giao dịch không hưởng quyền là ngày 13/5, thời gian thanh toán cổ tức dự kiến ngày 23/5.
- **VGI:** Trong quý 1, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của Viettel Global đạt 9.657 tỷ đồng, tăng 22% so với quý 1 năm 2024. LNTT hợp nhất đạt 1.310 tỷ đồng. Đây là quý thứ 6 liên tiếp công ty ghi nhận mức tăng trưởng doanh thu trên 20%, cho thấy sự phát triển bền vững của Viettel Global, đặc biệt trong bối cảnh thị trường viễn thông toàn cầu gần như bão hòa.
- **PVS:** Trong quý I, doanh thu thuần PVS đạt 6.013,7 tỷ đồng, tăng 62,1% so với của cùng kỳ năm 2024. Động lực chính đến từ mảng hợp đồng xây dựng với doanh thu 3.972,7 tỷ đồng, kể đến là dịch vụ kỹ thuật dầu khí đóng góp 1.988 tỷ đồng và hoạt động bán hàng mang về gần 53 tỷ đồng. Tuy nhiên, giá vốn tăng tới 66,8%, cao hơn tốc độ tăng doanh thu, khiến lợi nhuận gộp giảm nhẹ còn 257,1 tỷ đồng.

Nguồn: VPBankS Research

Thị trường hàng hóa

| Chỉ số    | Giá (USD) | %Chg  | YTD    |
|-----------|-----------|-------|--------|
| Vàng      | 3.367,20  | -1,88 | 28,30  |
| Dầu WTI   | 59,59     | 0,85  | -16,91 |
| Dầu Brent | 62,57     | 0,68  | -16,17 |
| Than      | 99,40     | 0,91  | -20,64 |
| Đồng      | 9.538,00  | 1,84  | 8,78   |
| Quặng sắt | 98,74     | 1,00  | -5,81  |
| Thép      | 457,00    | 0,44  | -3,94  |

Thị trường ngoại tệ

| Chỉ số  | Giá    | %Chg  | YTD   |
|---------|--------|-------|-------|
| DXY     | 99,53  | 0,29  | -8,26 |
| USD/JPY | 143,09 | -0,45 | 9,86  |
| USD/CNY | 7,2235 | -0,06 | 1,05  |
| EUR/USD | 1,1333 | -0,33 | 9,46  |
| GBP/USD | 1,3341 | -0,21 | 6,59  |

Lãi suất một số NHTW

| NHTW | Lãi suất | Cuộc họp tiếp theo | Thay đổi gần nhất |
|------|----------|--------------------|-------------------|
| FED  | 4,50%    | 07/05/2025         | 0,00              |
| ECB  | 2,40%    | 05/06/2025         | -0,25             |
| BOE  | 4,50%    | 08/05/2025         | 0,00              |
| BOJ  | 0,50%    | 01/05/2025         | 0,00              |
| SBV  | 6,50%    | -                  | -50bp             |

Top 5 CP có GTGD lớn nhất

| Mã CP | GTGD   | Giá     | %Chg  |
|-------|--------|---------|-------|
| HPG   | 538,66 | 25.450  | -0,97 |
| FPT   | 626,04 | 109.700 | 1,01  |
| MWG   | 248,97 | 60.500  | -0,82 |
| TCB   | 656,50 | 26.850  | 1,32  |
| STB   | 320,65 | 38.850  | -1,65 |

Top 5 CP vốn hóa lớn nhất

| Mã CP | Vốn hóa    | Giá     | %Chg  |
|-------|------------|---------|-------|
| VCB   | 476.273,48 | 57.000  | -0,18 |
| BID   | 245.396,60 | 34.950  | 0,29  |
| CTG   | 201.911,69 | 37.600  | 0,67  |
| FPT   | 161.376,29 | 109.700 | 1,01  |
| TCB   | 189.691,27 | 26.850  | 1,32  |

Nguồn: Investing, Bloomberg, VPBankS Research

TCB

Khuyến nghị

Giá hiện tại

Giá mục tiêu

Tiềm năng tăng giá

Vùng tăng tỷ trọng

Ngưỡng cắt lỗ

NĂM GIỮ

26.850

28.200

5,03%

26.300-26.600

<25.300

THÔNG TIN CẬP NHẬT DOANH NGHIỆP

- Trong năm 2025, Techcombank đặt mục tiêu tăng trưởng tín dụng khoảng 16,4%, lợi nhuận trước thuế đạt 31.500 tỷ đồng, tăng 14,4% so với năm trước. Đồng thời duy trì tỷ lệ nợ xấu nội bảng dưới 1,5%. Ngân hàng dự kiến phát hành gần 21,4 triệu cổ phiếu cho người lao động, tương ứng với tỷ lệ hơn 0,3%, với mệnh giá là 10.000 đồng/cp.
- Lợi nhuận trước thuế của Techcombank trong quý I đạt 7.236 tỷ đồng, tổng tài sản đạt gần 990.000 tỷ đồng, tăng 11,7% so với cùng kỳ năm ngoái.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT CỔ PHIẾU

- TCB đang duy trì nhịp phục hồi sau khi lấy lại đường MA50 ngày. Kháng cự mạnh ngắn hạn tại vùng 26.800-27.300 đồng. Nhà đầu tư có thể quan sát và canh giải ngân tăng tỷ trọng cổ phiếu TCB nếu có những phiên tích lũy trên các ngưỡng hỗ trợ với vùng mua 26.300-26.600 đồng.

Thông tin tài chính

|             | FY2023 | FY2024 | Q42024 |
|-------------|--------|--------|--------|
| DTT (tỷ đ)  | 40.061 | 46.990 | 9.555  |
| LNTT (tỷ đ) | 22.888 | 27.538 | 4.696  |
| LNST (tỷ đ) | 18.191 | 21.760 | 3.420  |
| Nợ/VCSH (%) | 181    | 184    | 0      |
| ROE (%)     | 14,80  | 15,59  | 14,76  |
| ROA (%)     | 2,33   | 2,35   | 2,27   |
| EPS (VNĐ)   | 2.552  | 3.049  | 3.013  |
| P/E (lần)   | 6,2    | 8,1    | 8,91   |
| P/B (lần)   | 0,86   | 1,20   | 1,25   |

Nguồn: VPBankS Research

ĐỒ THỊ KỸ THUẬT CỔ PHIẾU



Chỉ báo kỹ thuật

|          | Ngày | Tuần | Tháng |
|----------|------|------|-------|
| Xu hướng | BUY  | BUY  | BUY   |

| Chỉ báo kỹ thuật | Giá trị | Hành động |
|------------------|---------|-----------|
| RSI (14)         | 55,78   | BUY       |
| MACD (12,26)     | -0,06   | SELL      |
| ADX (14)         | 27,23   | BUY       |
| SMA5             | 26.320  | BUY       |
| SMA20            | 25.790  | BUY       |
| SMA50            | 26.690  | BUY       |
| SMA100           | 25.570  | BUY       |
| SMA200           | 24.370  | BUY       |

# DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ

| STT                             | Mã cổ phiếu | Vị thế   | Vùng mua  | Ngày mua  | Giá mua | Giá mục tiêu | Giá cắt lỗ | Ngày bán | Giá bán | +/-   |
|---------------------------------|-------------|----------|-----------|-----------|---------|--------------|------------|----------|---------|-------|
| Danh mục theo dõi               |             |          |           |           |         |              |            |          |         |       |
| 1                               | HCM         | Theo dõi | 23,5-24,5 |           |         | 27,3         | 23,2       |          |         |       |
| Danh mục cổ phiếu chạm điểm mua |             |          |           |           |         |              |            |          |         |       |
| 1                               | SSI         | Nắm giữ  | 21,5-22,5 | 22/4/2025 | 21,5    | 25,3         | 21,3       |          |         | 7,67% |
| 2                               | VCG         | Mua      | 21-21,8   | 22/4/2025 | 21      | 24,5         | 20,7       |          |         | 2,14% |
| 3                               | TCB         | Nắm giữ  | 25-25,8   | 28/4/2025 | 25,8    | 28,2         | 24,5       |          |         | 4,07% |

**Lưu ý:** Các mã khuyến nghị đầu tư dựa trên yếu tố dòng tiền đầu cơ và có xu hướng tích lũy/tăng trong ngắn hạn theo phương pháp phân tích kỹ thuật.

DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN

| STT | Mã cổ phiếu | Vị thế      | Vùng mua   | Ngày mua   | Giá mua | Giá mục tiêu | Giá cắt lỗ | Ngày bán   | Giá bán | +/-    |
|-----|-------------|-------------|------------|------------|---------|--------------|------------|------------|---------|--------|
| 1   | MWG         | Chốt lời    | 39,6-40,8  | 5/6/2023   | 40,8    | 54,8         | 37,8       | 31/7/2023  | 54      | 32,35% |
| 2   | NLG         | Chốt lời    | 31,3-32,45 | 9/6/2023   | 32      | 38,3         | 30,2       | 18/7/2023  | 38,3    | 19,69% |
| 3   | MWG         | Hạ tỷ trọng | 39,6-40,8  | 5/6/2023   | 40,8    | 47,8         | 37,8       | 11/7/2023  | 48,8    | 19,61% |
| 4   | DGW         | Chốt lời    | 54,5-56    | 16/2/2024  | 56      | 63,2         | 53,9       | 13/3/2024  | 64,3    | 16,07% |
| 5   | HCM         | Chốt lời    | 21,1-22    | 20/12/2023 | 21,9    | 24,3         | 20,4       | 2/1/2024   | 25,4    | 15,98% |
| 6   | SSI         | Chốt lời    | 27,8-28,8  | 26/10/2023 | 27,2    | 32,8         | 26,9       | 10/11/2023 | 31,5    | 15,81% |
| 7   | DBC         | Chốt lời    | 20,3-20,6  | 20/6/2023  | 20,6    | 23,6         | 19,2       | 6/7/2023   | 23,85   | 15,78% |
| 8   | DGW         | Chốt lời    | 32,4-33    | 16/5/2023  | 33      | 37,2         | 30,7       | 6/6/2023   | 37,8    | 14,55% |
| 9   | VPB         | Chốt lời    | 18,6-19,2  | 26/4/2023  | 19,2    | 22,6         | 17,9       | 1/8/2023   | 21,95   | 14,32% |
| 10  | ANV         | Chốt lời    | 34,8-36,3  | 11/9/2023  | 36,3    | 41,2         | 33,8       | 22/9/2023  | 41,2    | 13,50% |
| 11  | DGW         | Chốt lời    | 49-51,5    | 21/11/2023 | 50      | 57,8         | 48         | 8/1/2023   | 56,7    | 13,40% |
| 12  | HCM         | Chốt lời    | 25,9-26,3  | 12/6/2023  | 26,3    | 29,5         | 24,5       | 5/7/2023   | 29,8    | 13,31% |
| 13  | SSI         | Chốt lời    | 28,0-28,6  | 1/8/2023   | 28,6    | 33,5         | 27,4       | 25/8/2023  | 32,3    | 12,94% |
| 14  | PVS         | Chốt lời    | 30,4-31,2  | 22/8/2023  | 31,2    | 35,2         | 29,3       | 30/8/2023  | 35,2    | 12,82% |
| 15  | HPG         | Chốt lời    | 24,8-25,8  | 22/8/2023  | 25,8    | 29,1         | 24         | 7/9/2023   | 29,1    | 12,79% |
| 16  | NKG         | Chốt lời    | 17,3-17,7  | 5/7/2023   | 17,5    | 20,4         | 16,3       | 21/7/2023  | 19,7    | 12,57% |
| 17  | KSB         | Chốt lời    | 26,6-27,1  | 8/6/2023   | 27,1    | 30,5         | 25,2       | 27/6/2023  | 30,5    | 12,55% |
| 18  | NKG         | Chốt lời    | 20,3-20,8  | 24/11/2023 | 20,8    | 23,9         | 19,6       | 30/11/2023 | 23,35   | 12,26% |
| 19  | HAH         | Chốt lời    | 34-35,5    | 23/11/2023 | 35      | 40,7         | 32,9       | 26/12/2023 | 39,2    | 12,00% |
| 20  | GVR         | Chốt lời    | 18,9-19,3  | 28/6/2023  | 19,3    | 22,3         | 18         | 11/7/2023  | 21,6    | 11,92% |
| 21  | VCG         | Chốt lời    | 25,5-26,2  | 18/8/2023  | 26,2    | 29,3         | 24,5       | 5/9/2023   | 29,3    | 11,83% |

DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN GẦN ĐÂY

| STT | Mã cổ phiếu | Vị thế   | Vùng mua  | Ngày mua   | Giá mua | Giá mục tiêu | Giá cắt lỗ | Ngày bán  | Giá bán | +/-    |
|-----|-------------|----------|-----------|------------|---------|--------------|------------|-----------|---------|--------|
| 1   | VCG         | Chốt lời | 17,7-18,1 | 14/01/2025 | 18,1    | 19,8         | 17,2       | 3/2/2025  | 20      | 10,50% |
| 2   | HPG         | Cắt lỗ   | 26-26,8   | 5/2/2025   | 26,8    | 28,9         | 25,5       | 10/2/2025 | 25,50   | -4,8%  |
| 3   | VCI         | Chốt lời | 33,6-34,6 | 4/2/2025   | 34,35   | 37,45        | 32         | 3/3/2025  | 37,45   | 9,02%  |
| 4   | SSI         | Chốt lời | 24,5-25   | 24/2/2025  | 25,3    | 27,4         | 23,8       | 13/3/2025 | 27,4    | 8,30%  |
| 5   | POW         | Cơ cấu   | 11,4-11,8 | 12/2/2025  | 11,8    | 13,2         | 11,2       | 14/3/2025 | 12      | 1,69%  |
| 6   | VHC         | Cơ cấu   | 67,5-69,5 | 18/2/2025  | 69,5    | 76           | 65,6       | 14/3/2025 | 67,9    | -2,3%  |
| 7   | PC1         | Cơ cấu   | 23,5-23,9 | 26/2/2025  | 23,9    | 26,3         | 22,7       | 14/3/2025 | 23,1    | -3,35% |
| 8   | KSB         | Cơ cấu   | 19,6-20   | 6/3/2025   | 19,9    | 22,1         | 19         | 14/3/2025 | 19,85   | -0,21% |
| 9   | DXG         | Cơ cấu   | 15,7-16,2 | 11/3/2025  | 16,2    | 17,8         | 15,2       | 14/3/2025 | 16,1    | -0,61% |
| 10  | BID         | Cắt lỗ   | 38,6-39,3 | 6/2/2025   | 39,6    | 45           | 37,3       | 3/4/2025  | 37,3    | -5,81% |
| 11  | KBC         | Cắt lỗ   | 28,5-29,5 | 18/2/2025  | 29,2    | 33           | 27,6       | 3/4/2025  | 27,6    | -5,4%  |
| 12  | VPB         | Cắt lỗ   | 18,7-19   | 21/02/2025 | 19      | 21,2         | 18         | 3/4/2025  | 18      | -5,26% |
| 13  | STB         | Chốt lời | 33,7-34,7 | 4/4/2025   | 34,1    | 38,4         | 33         | 16/4/2025 | 38,6    | 13,20% |
| 14  | MBB         | Chốt lời | 21,8-22,3 | 22/4/2025  | 21,8    | 24,5         | 20,7       | 29/4/2025 | 23,7    | 8,72%  |
| 15  | HPG         | Chốt lời | 23-24     | 22/4/2025  | 23,4    | 26,5         | 22,8       | 29/4/2025 | 25,65   | 9,62%  |

Email: [Chienluocthitruong@vpbanks.com.vn](mailto:Chienluocthitruong@vpbanks.com.vn)

Theo dõi chúng tôi tại:



Mở tài khoản VPBankS tại:



Miễn trừ trách nhiệm:

Các thông tin, số liệu thống kê và khuyến nghị trong bản báo cáo này, bao gồm cả các nhận định cá nhân, được dựa trên các nguồn thông tin công bố đại chúng theo quy định của pháp luật, hoặc các nguồn thông tin mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy tính đến thời điểm phát hành báo cáo. Phòng Chiến lược thị trường chỉ sử dụng mà không thực hiện xác minh lại các thông tin này, do đó Phòng Chiến lược thị trường không đảm bảo về tính chính xác và đầy đủ của các thông tin này.

Báo cáo được lập với mục đích dự báo, cảnh báo những rủi ro tiềm ẩn có thể xảy ra, được sử dụng như thông tin tham khảo trong nội bộ VPBankS và VPBank. Chúng tôi không chịu trách nhiệm với các lan truyền thông nằm ngoài phạm vi này.

Bản quyền báo cáo thuộc về VPBankS, mọi hành vi sao chép, sửa đổi từng phần hoặc toàn bộ báo cáo là vi phạm bản quyền.

1

## TƯ VẤN ĐẦU TƯ

### Khuyến nghị:

- ACE NĐT vẫn tiếp tục tận dụng những phiên tăng điểm chốt lời ngắn hạn và tái cấu trúc mua lại khi TT điều chỉnh giảm điểm.
- Vùng hỗ trợ chỉ số VNI : 1150-1165.

Khuyến nghị: 30/1/2024

| NHCP             | NVL                    | Tỷ lệ       |
|------------------|------------------------|-------------|
| Mua              | 16-16.5                |             |
| Cắt lỗ           | Điểm 14                | ~(-12%)     |
| Chốt lời 1:(50%) | 18-19                  | ~13%-18%    |
| Chốt lời 2:(50%) | 21-22                  | ~18-37%     |
| NHCP             | MSN                    | Tỷ lệ       |
| Mua              | 65-66                  |             |
| Cắt lỗ           | (Có thể DCA với 61-62) | ~(-5%)      |
| Chốt lời 1:(50%) | Điểm 59                | ~(-12%-14%) |
| Chốt lời 2:(50%) | Năm giờ                |             |
| NHCP             | GEX                    | Tỷ lệ       |
| Mua              | 21-21.5                |             |
| Cắt lỗ           | 19.8                   | ~(-4%)      |
| Chốt lời 1:(50%) | 23-24                  | ~7%-12%     |
| Chốt lời 2:(50%) | 25.5-26                | ~13%-14%    |

bởi Thanh Bình

@ginlabs.vn

Ngoài những cp theo nhóm ngành đặc thù đã khuyến nghị, ACE tham khảo thêm CP khác theo khuyến nghị.

2

## CHỐT LÃI HÀNG NGÀY

|                    |                        |
|--------------------|------------------------|
| Mã chứng khoán     | MWG                    |
| Tổng khối lượng CK | 190,000                |
| Giá vốn trung bình | 43.34                  |
| Góc đầu tư         | 🕒 99,800 đ             |
| Giá trị thị trường | 8,280,000,000 đ        |
| Lãi/lỗ (lấy kiến)  | +479,500,200 đ (6.15%) |

### Một số mã cổ phiếu đáng chú ý:

- BMP: Lợi nhuận sau thuế đạt 257 tỷ đồng, tăng nhẹ so với cùng kỳ.
- ANV: Doanh thu đạt 4,439 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế chỉ còn 42 tỷ đồng, giảm lần lượt 9% và 94% so với năm 2022.
- MCM: Doanh thu gần như đi ngang nhưng lợi nhuận sau thuế tăng 8% so với năm 2022.
- MSB: Lợi nhuận trước thuế năm 2023 đạt 5.830 tỷ đồng, tăng nhẹ so với năm 2022.

🎉 Chúc mừng ACE đã mua HPG dưới 27.2 như khuyến nghị ngày 10/1, PVD giá 27.x theo khuyến nghị 22/1.

3

## THAM GIA NHÓM ZALO



Quét mã hoặc truy cập  
[ginlabs.vn/room](https://ginlabs.vn/room)